

Số: /GPMT-UBND Đăk Lăk, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 38/CV-GP đề ngày 16/7/2024 của Công ty TNHH MTV Xây lắp điện Hưng Phúc về việc đề nghị phê duyệt cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy Thủy điện Đrây H’linh 3” tại thôn 5, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk và hồ sơ bổ sung ngày 30/7/2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 263/TTr-STNMT ngày 31/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Xây lắp điện Hưng Phúc, địa chỉ số 51/16/15 Trần Quý Cáp, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy thủy điện Đrây H’linh 3” tại thôn 5, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Nhà máy Thủy điện Đrây H’linh 3.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn 5, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

1.3. Giấy Chứng nhận đầu tư số 40121000007 ngày 17/4/2007 của UBND tỉnh; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 6000420012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/6/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 30/01/2019.

1.4. Mã số thuế: 6000420012.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất điện (Thủy điện).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 70.376 m².

- Công suất phát điện: công suất 6,0 MW (Gồm 02 tổ máy, mỗi tổ máy có công suất là 3,0 MW).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Xây lắp điện Hưng Phúc:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Xây lắp điện Hưng Phúc có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố BMT;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Công ty TNHH MTV Xây lắp điện Hưng Phúc (Đ/c: số 51/16/15 Trần Quý Cáp, tp BMT);
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:****1.1. Nước thải sinh hoạt:**

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh.

Nguồn số 01 (*Dòng nước thải số 01*) được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó được đưa về bể chứa để lưu chứa; sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà bếp.

Nguồn số 02 (*Dòng nước thải số 02*) được thu gom về bể chứa để lưu chứa; sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

1.2. Nước thải sản xuất:

+ Nguồn số 03: Nước tháo làm mát dầu bôi trơn gôđơ và dầu thủy lực.

+ Nguồn số 04: Nước thải sản xuất phát sinh từ nước rò rỉ nhiễm dầu từ tuabin và nước thải từ quá trình vệ sinh, sửa chữa máy móc thiết bị.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Sêrêpôk tại thôn 5, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Vị trí xả nước thải: Kênh xả và sông Sêrêpôk.

2.2.1. Dòng nước thải số 03 (Tương ứng với nguồn nước thải số 03):

- Vị trí xả nước thải: Điểm xả số 01 (Tuabin số 01) và điểm xả số 02 (Tuabin số 02) xả xuống kênh xả phía sau nhà máy và dẫn ra sông Sêrêpôk.

- Tọa độ xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

+ Điểm xả số 01: X= 435523; Y= 1401538;

+ Điểm xả số 02: X= 435521; Y= 1401523.

2.2.2. Dòng nước thải số 04 (Tương ứng với nguồn nước thải số 04):

- Vị trí xả nước thải: Nước thải sau xử lý được xả xuống kênh xả phía sau nhà máy và dẫn ra sông Sêrêpôk.

- Tọa độ xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X=435523; Y=1401537

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 96,729 m³/ngày đêm, tương đương 4,03 m³/giờ.

- Dòng nước thải 03 (Tương ứng với nguồn nước thải số 03): Lưu lượng tối đa 96,289 m³/ngày đêm, tương đương 4,01 m³/giờ.

- Dòng nước thải 04 (Tương ứng với nguồn nước thải số 04): Lưu lượng tối đa 0,44 m³/ngày đêm, tương đương 0,0183 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Dòng nước thải số 03: Tự chảy theo đường ống PVC chảy ra kênh xả phía sau nhà máy và dẫn ra sông Sêrêpôk.

- Dòng nước thải số 04: Xả cưỡng bức (Phao bơm tự động) theo đường ống PVC chảy ra kênh xả phía sau nhà máy và dẫn ra sông Sêrêpôk.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Dòng nước thải số 03: Xả liên tục (24 giờ/ngày đêm).

- Dòng nước thải số 04: Xả gián đoạn (Phao bơm tự động khi có phát sinh nước rò rỉ nhiễm dầu hoặc khi bảo trì, vệ sinh, sửa chữa máy móc thiết bị).

- Hình thức xả nước thải: Xả mặt.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B; K_q = 0,9; K_f = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng nước thải số 03				
1	Nhiệt độ	°C	40	Không thuộc đối tượng quy định	Không thuộc đối tượng quy định
II	Dòng nước thải số 04				
1	Nhiệt độ	°C	40	Không thuộc đối tượng quy định	Không thuộc đối tượng quy định
2	pH	-	5,5-9		
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	108		
4	COD	mg/l	162		
5	BOD ₅	mg/l	54		
6	Pb	mg/l	0,54		
7	Kẽm (Zn)	mg/l	3,24		
8	Sắt (Fe)	mg/l	5,4		
9	Đồng (Cu)	mg/l	2,16		
10	Dầu mỡ khoáng	mg/L	10,8		
11	Coliform	MPN/100ml	5.000		

Ghi chú: Khuyến khích Chủ cơ sở thực hiện quan trắc định kỳ nước thải nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát công trình xử lý nước thải tại Cơ sở.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ khu nhà vệ sinh được thu gom bằng ống PVC Ø114 mm và Ø60 mm, dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó nước thải theo đường ống PVC Ø114 mm tự chảy về bể chứa để lưu chứa. Chủ cơ sở sẽ định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; không xả nước thải ra môi trường.

- Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực nhà bếp được thu gom dẫn vào ống ruột gà Ø34 mm đến đường ống PVC Ø114mm và tự chảy về bể chứa để lưu chứa. Chủ cơ sở sẽ định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; không xả nước thải ra môi trường.

- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình tháo làm mát dầu bôi trơn gổĩ đỡ và dầu thủy lực theo đường ống PVC chảy ra kênh xả phía sau nhà máy và dẫn ra sông Sêrêpôk.

- Nguồn số 04: Nước thải nhiễm dầu được thu gom về bể lắng cặn, lọc dầu để xử lý (có bố trí tấm mút tách dầu), sau đó nước thải theo đường ống PVC Ø42 mm tự chảy qua bể kỹ thuật và tiếp tục theo đường ống PVC Ø60 mm đưa về bể gom (có bố trí thêm tấm mút tách dầu để tiếp tục xử lý, đảm bảo tách hoàn toàn lượng dầu còn lại trong nước thải). Nước thải sau khi đã tách dầu được xả cưỡng bức (phao bơm tự động) theo đường ống PVC chảy ra kênh xả phía sau nhà máy và dẫn ra sông Sêrêpôk.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Bể chứa → Hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Bể tự hoại 3 ngăn: 01 bể (Đặt tại khu vực vệ sinh của nhà vận hành); dung tích thiết kế 2,5 m³ (Kích thước: 2,0 m x 1,0 m x 1,25 m).

- Bể chứa: Dung tích thiết kế 15 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất (nguồn số 04) → Bể lắng cặn, lọc dầu (có bố trí tấm mút tách dầu) → Bể kỹ thuật → Bể gom (có bố trí thêm tấm mút tách dầu) → Kênh xả → sông Sêrêpôk.

Định kỳ, công nhân sẽ thay tấm mút tách dầu và nạo vét bể gom (01 tháng/lần). Các tấm mút tách dầu và lượng bùn thải có chứa dầu được thu gom, chuyển về lưu chứa tạm thời tại kho chất thải nguy hại. Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Thông số kỹ thuật của công trình xử lý nước thải sản xuất:

+ Bể lắng cặn, lọc dầu: Gồm có 02 bể (Bể có 2 ngăn; dung tích 0,25 m³/bể; kích thước: 1,0 m x 0,5 m x 0,5 m).

+ Bể kỹ thuật: Gồm có 02 bể (Dung tích 4 m³/bể; kích thước: 2,0 m x 2,0 m x 1,0 m).

+ Bể gom: Gồm có 01 bể (Dung tích 3 m³/bể; kích thước: 3,0 m x 1,0 m x 1,0 m).

+ Vật liệu sử dụng: Tấm mút tách dầu (Là hỗn hợp chất Polyurethane có kích thước: 0,5 m x 0,5 m x 0,025 m).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 97 và Phụ lục số XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải sản xuất theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Khi xảy ra sự cố đối với công trình, thiết bị xử lý nước thải, phải tạm dừng các hoạt động tại các công đoạn phát sinh để kiểm tra, khắc phục. Trường hợp thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố trong thời gian dài, phải tạm ngừng hoạt động sản xuất để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Chỉ được vận hành lại khi công trình, thiết bị xử lý nước thải đảm bảo xử lý được nước thải phát sinh.

- Thường xuyên tổ chức nạo vét hệ thống thoát nước, tránh tình trạng tắc nghẽn gây ngập úng khi có mưa lớn. Khi xảy ra sự cố tắc, vỡ đường ống thoát nước mưa, nước thải, cử cán bộ tìm kiếm, xác định vị trí bị tắc, vỡ để thực hiện thông đường ống tắc nghẽn; thay thế đường ống thoát nước bị hỏng.

- Thực hiện đúng quy trình vận hành liên hồ chứa lưu vực sông Sêrêpôk đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý nước thải sản xuất.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

01 vị trí sau công trình xử lý nước thải sản xuất (tại điểm xả nước thải sau xử lý vào kênh xả của dòng nước thải số 04).

2.2.2. *Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:* Đáp ứng yêu cầu tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường theo quy định.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.4. Việc chuyển giao nước thải cho đơn vị khác xử lý phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với hoạt động chuyển giao nước thải theo quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH MTV Xây lắp điện Hưng Phúc có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.7. Công ty TNHH MTV Xây lắp điện Hưng Phúc chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Phòng đặt tuabin tổ máy phát điện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tọa độ (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

X= 435531; Y= 1401525 .

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Các động cơ được lắp đặt đệm cao su để giảm thiểu chấn động trong quá trình vận hành.

- Lắp đặt máy móc theo đúng thiết kế; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế các chi tiết hao mòn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình hoạt động để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị, đảm bảo các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:**

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	7
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	7
3	Bùn thải có chứa dầu từ hoạt động bảo dưỡng cơ sở, máy móc, trang thiết bị	01 04 05	5
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	105
5	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 06	5
6	Dầu thủy lực tổng hợp thải (Tần suất thay 05 năm/lần)	17 01 06	400
Tổng cộng (Không bao gồm chất thải số 6)			129

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải không có thành phần nguy hại	6
2	Các thiết bị điện thải không chứa thành phần nguy hại	8
3	Kim loại và các hợp kim thải không chứa thành phần nguy hại	60
4	Cành cây, lá cây, thân cây ...	35
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, bùn từ quá trình nạo vét rãnh thoát nước không có thành phần nguy hại	60

6	Bao bì thải các loại không chứa thành phần nguy hại	54,5
Tổng cộng		223,5

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
01	Chất thải không có khả năng tái chế (vỏ trái cây, thực phẩm, thức ăn thừa ...)	730
02	Chất thải có khả năng tái chế (Giấy các loại; vỏ chai nhựa; vỏ chai bằng thủy tinh, vật liệu kim loại khác)	146
Tổng cộng		876

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* Bố trí các thùng chứa có nắp đậy (05 thùng sắt loại 200 lít và 02 thùng nhựa HDPE loại 30 lít); có dán nhãn theo quy định.

2.1.2. *Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại:*

- 01 nhà kho lưu chứa CTNH có diện tích 7,5 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao quanh và mái che; nền bê tông, có cửa khóa; lắp biển cảnh báo theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- 01 nhà kho lưu chứa: Diện tích 12 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao quanh và mái che, nền xi măng; có gờ chống chất thải chảy tràn; lắp biển báo, dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa chất thải sinh hoạt:*

Bố trí các thùng chứa tại khu vực nhà điều hành và trong khu vực Nhà máy.

2.3.2. *Kho lưu chứa: Không có*

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và phân loại, lưu chứa trong các thùng chứa có nắp đậy (loại 05-10 lít và loại 120 lít).

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Xây lắp điện Hưng Phúc có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu chứa chất thải phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định pháp luật. Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn điện, an toàn hóa chất, an toàn và vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 52 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Tuân thủ đúng quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông sêrêpôk đã được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.